



UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 231/SNN-PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hung Yên, ngày 12 tháng 10 năm 2018

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Hưng Yên
về Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển
hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Thực hiện Công văn số 2046/UBND-KT2 ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng dự thảo Tờ trình UBND tỉnh Hưng Yên và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Để hoàn thiện nội dung trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, tham gia góp ý vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết gửi kèm tại địa chỉ sonnptnt.hungyen.gov.vn*).

Ý kiến tham gia của quý cơ quan xin gửi về Sở Nông nghiệp & PTNT (qua Chi cục Phát triển nông thôn, số 47 đường Trung Trắc, P. Quang Trung, T.p Hưng Yên. Điện thoại: 0221.3868.055. Email: phongkinhtehoptac.ptnthy@gmail.com) **trước ngày 19/10/2018** để tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện trình UBND tỉnh./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, PTNT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Trung Cán

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích
phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Hiện nay toàn tỉnh có khoảng 54.000 ha đất sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản có trên 5.000 ha. Sản lượng lương thực đạt khoảng 470.000 tấn, trong đó lúa đạt 420.000 tấn, ngô và các loại cây trồng khác 50.000 tấn. Ngoài ra, mỗi năm ngành chăn nuôi xuất chuồng trung bình 590.000 đầu lợn, 8,7 triệu gia cầm, trên 3.000 tấn thủy sản. Sản xuất nông nghiệp đã bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và xuất khẩu. Tuy nhiên, nông nghiệp của tỉnh đang đứng trước các thách thức lớn như sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn còn ít; các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trình độ chuyên môn hóa cao chưa phát triển; thách thức về cạnh tranh hàng hóa do chất lượng nông sản và tình trạng về an toàn vệ sinh thực phẩm; giá cả nông sản biến động; hiện tượng sản xuất chạy theo “phong trào” diễn ra khá phổ biến dẫn đến tình trạng “được mùa mất giá” vẫn thường xuyên xảy ra; khâu sơ chế, chế biến, bảo quản và thương mại chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển; biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, có tác động nhanh và ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp.

Do vậy, việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là yêu cầu cần thiết đối với phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hiện nay.

2. Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết Quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, nhằm ưu đãi, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân tham gia liên kết và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, góp phần hiệu quả trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo

Nghị quyết ban hành chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nếu được ban hành phải đáp ứng đầy đủ những yêu cầu sau:

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật đầu tư và các văn bản có liên quan khác để tạo khung pháp lý cho việc thực hiện hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay đối với sản xuất nông nghiệp là tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và quản lý chất lượng, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sản xuất. Vì thế các quy định trong dự thảo cần tạo điều kiện để phát triển sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân. Tập trung hỗ trợ vào khâu yếu nhất trong chuỗi liên kết (chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành xây dựng Dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn. Cụ thể:

- Gửi công văn lấy ý kiến các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết (Công văn số/SNN-PTNT ngày/...../2018).

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp để thẩm định dự thảo (Công văn số/SNN-PTNT ngày/...../2018).

Ngày/...../2018, Sở Tư pháp có văn bản thẩm định dự thảo Nghị quyết.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo; giải trình một số ý kiến tại Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết bao gồm 2 điều

- Điều 1: Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp).

b) Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hợp tác, liên kết:

+ Nông dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, chủ trang trại, tổ hợp tác;

+ Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp;

+ Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

c) Chính sách ưu đãi, hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

- Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm

- Nguyên tắc và điều kiện ưu đãi, hỗ trợ

- Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển
hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVI- KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Sau khi xem xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/.../..... của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, với các nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp).

2. Đối tượng hưởng chính sách

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là hộ nông dân);

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân);

- c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã);
- d) Doanh nghiệp;
- e) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Quy định này.

3. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm

- Xây dựng mô hình khuyến nông;
- Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường;
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã;
- Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

4. Nguyên tắc và điều kiện ưu đãi, hỗ trợ

a) Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ

- Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

- Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, các địa phương chủ động cân đối bổ sung ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định.

- Nhà nước khuyến khích các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác để thúc đẩy liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Điều kiện để được hỗ trợ

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Liên kết đảm bảo ổn định:

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

- Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ

a) Nguồn vốn hỗ trợ

Nguồn vốn hỗ trợ bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách tỉnh; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và ngân sách tỉnh, cụ thể:

- Ngân sách trung ương: Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Các chương trình, dự án về khuyến nông; Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã,... Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Ngân sách tỉnh: Hàng năm, ngân sách tỉnh phân bổ ngân sách địa phương để thực hiện việc hỗ trợ liên kết.

b) Cơ chế hỗ trợ: Thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Các chương trình, dự án về khuyến nông; Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã...

Ngân sách tỉnh hỗ trợ các dự án liên kết không quá 30% tổng mức đầu tư sau khi dự án hoàn thành và được nghiệm thu. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI – Kỳ họp....thông qua ngày/....../....và hiệu lực từ ngày .../...../.....

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác Đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, TP;
- Trung tâm Công báo- tin học VP UBND;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DANH MỤC

Ngành hàng sản phẩm ưu tiên hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số của HĐND tỉnh Hưng Yên)

1. Ngành hàng sản phẩm nhãn, vải.
2. Ngành hàng sản phẩm dược liệu.
3. Ngành hàng sản phẩm lúa gạo.
4. Ngành hàng sản phẩm chuối.
5. Ngành hàng sản phẩm cây ăn quả có múi (cam, quýt, bưởi...).
6. Ngành hàng sản phẩm Hoa, cây cảnh.
7. Ngành hàng sản phẩm rau, đậu
8. Ngành hàng sản phẩm thịt trâu, bò.
9. Ngành hàng sản phẩm sữa bò.
10. Ngành hàng sản phẩm thịt lợn.
11. Ngành hàng sản phẩm gà Đông Tảo.
12. Ngành hàng sản phẩm thủy sản.